

Bản án số: 934/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 226/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2023/QĐXXST-DS ngày 14/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2023/QĐST-DS ngày 27/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Nhà trọ Ba Lớn 2, đường IN 14, khu phố 1, phường H, thị xã C, tỉnh B.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Huy S, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: 10/1A đường Y, ấp Giồng Sao, xã X, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn đề ngày 07 tháng 02 năm 2023 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị M trình bày: Ngày 16 tháng 10 năm 2017 bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Huy S tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ia Pal, Chư Sê, Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45/2017.

Quá trình về chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, ông S không chia sẻ khó khăn trong gia đình, không chăm sóc con chung, kinh tế đôi bên độc lập, ông S không phụ giúp bà M tiền để trang trải cuộc sống gia đình. Đôi bên bất đồng quan điểm về lối sống, cách nuôi con, tính tình đôi bên ngày càng khác biệt, không hoà hợp được; đôi bên đã nhiều lần tự hòa giải nhưng

không hàn gắn được tình cảm. Nay bà M xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông Nguyễn Huy S.

Về con chung: Đôi bên chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 10/3/2005 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thành L, sinh ngày 28/3/2008; Bà M xác định trước đến nay một mình bà nuôi các con chung, ông S không phụ tiền cho bà nuôi con chung nên bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên Nguyễn Thành L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị M có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Nguyễn Huy S không đến Tòa án cũng không nộp bản khai trình bày ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Huy S nên căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện đang cư trú tại số 10/1A đường Y, ấp Giồng Sao, xã X, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị M đã có bản khai trình bày ý kiến của mình và nộp kèm theo các tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện, đồng thời có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn – ông Nguyễn Huy S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn không cung cấp bản khai trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về sự tham gia của Viện kiểm sát: Tòa án không tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ nên vụ án này không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về yêu cầu của các đương sự:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Huy S chung sống với nhau từ năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã Ia Pal, Chư Sê, Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 45/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Huy S là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M: Hội đồng xét xử nhận thấy tại đơn xin ly hôn, các bản khai, biên bản ghi nhận ý kiến tại Tòa án bà Nguyễn Thị M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình đôi bên không hòa hợp, kinh tế đôi bên độc lập, ông S không chia sẻ khó khăn trong gia đình, không chăm sóc con chung, ông S không đưa tiền cho bà M để trang trải cuộc sống gia đình; đôi bên đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay bà M xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông Nguyễn Huy S

Bị đơn ông Nguyễn Huy S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đã mở phiên họp giải đoàn tụ để các bên hàn gắn tình cảm, cũng như Quyết định, giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, ông S trong suốt quá trình giải quyết vụ án vẫn vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ ông S không quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm, cũng như không tạo điều kiện để Tòa án hoà giải hàn gắn tình cảm hai bên theo luật định. Xét thấy, hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau, đôi bên đã sống ly thân và không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn đã ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị M yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Huy S là hoàn toàn có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.2] Về con chung: Đôi bên chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 10/3/2005 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thành L, sinh ngày 28/3/2008; trước đến nay bà M một mình nuôi các con chung, bà có thu nhập ổn định và hiện nay trẻ Thành Long đang sống ổn định với bà M nên để không xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt và học hành cũng như tâm sinh lý phát triển bình thường của trẻ. Hội đồng xét xử xét thấy việc tiếp tục giao trẻ Thành Long cho bà M được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[5.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà M không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Huy S.

2/ *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Thành L, sinh ngày 28/3/2008 cho bà Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Thi hành việc giao con sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu ông Nguyễn Huy S cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Ông Nguyễn Huy S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4/ *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001098 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. C;
- THADS H. C;
- UBND xã Ia Pal, Chư Sê, Gia Lai;
- Dương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hòa